

Bản án số: **14/2017/HNGĐ-ST**

Ngày 27/6/2017

V/v: “ly hôn, tranh chấp về cấp dưỡng

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH THANH HÓA**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huệ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đỗ Thị Thu - Phó hiệu trưởng trường THCS T;
2. Bà Nguyễn Thị Nhung - Phó hiệu trưởng Trường THCS V

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Liên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:***

Ông Lê Đức Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 27/6/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2017/TLST-HNGĐ ngày 04/4/2017 về việc “ly hôn, tranh chấp về cấp dưỡng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2017/QĐXX-ST ngày 16/6/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1994 (có mặt)  
Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.
2. Bị đơn: Anh Hoàng Ngọc C, sinh năm 1994 (vắng mặt)  
Địa chỉ: Thôn N, xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\*Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/3/2017 và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Hoàng Ngọc C có tìm hiểu nhau trong một thời gian và đi đăng ký kết hôn ngày 27/02/2015 tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Anh chị có tổ chức cưới và về chung sống vào ngày 01/6/2015. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn (khoảng 8 tháng) thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm về kinh tế. Thời điểm phát sinh mâu thuẫn là lúc chị sinh con, vì điều kiện kinh tế khó khăn, anh C muốn mở cửa hàng để sửa chữa điện lạnh nhưng không có tiền, yêu cầu chị đi vay mượn, nhưng chị không vay mượn được, vì trước đây khi tổ chức cưới, tất cả chi phí cho đám cưới chị là người lo và chi trả. Quá trình chung sống mọi sinh hoạt chị là người lo toan trong lúc chị chưa đi làm và chưa kiếm ra tiền, dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Ngoài mâu thuẫn vợ chồng còn có mâu thuẫn giữa chị và mẹ chồng, do chị có thai trước khi cưới một tháng, mẹ chồng đi xem bói nói không phải con anh C nên dẫn đến xảy ra mâu thuẫn trong gia đình.

Sau khi sinh con được một tháng, chị xin gia đình nhà chồng đưa con về bên ngoại chơi. Anh C và ông cậu đưa mẹ con chị xuống ngoại. Ở dưới ngoại được một tháng, chị thuê xe hai mẹ con về nhưng gia đình anh C không cho mẹ con chị vào nhà, chị không biết vì lý do gì. Vì không cho hai mẹ con vào nhà nên chị đưa con xuống ngoại ở từ đó cho đến nay. Khi xảy ra mâu thuẫn, gia đình cũng đã động viên hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Chị và anh C sống ly thân từ tháng 10 năm 2015 cho đến nay, anh C không quan tâm đến mẹ con chị dẫn đến chị và anh C không ai quan tâm đến ai. Hiện nay chị không có thai nghén. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Ngọc C.

Về con chung: Chị và anh C có một con chung là Hoàng Minh H, sinh ngày 21/9/2015. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi con. Chị làm công nhân may giày da, mức thu nhập hàng tháng từ 4.500.000đ đến 5.000.000đ. Chị có đủ điều kiện để nuôi và chăm sóc tốt cho con. Anh C học nghề xong và hiện nay đã đi làm, nên chị yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/1tháng. Thời điểm cấp dưỡng từ tháng 6 năm 2017 đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\*Nội dung bản tự khai đề ngày 12/4/2017 và biên bản hòa giải ngày 09/5/2017 tại Tòa án nhân dân huyện N anh Hoàng Ngọc C trình bày: Về thời gian tìm hiểu, đi

đăng ký kết hôn và tổ chức cưới như chị T trình bày là hoàn toàn chính xác. Quá trình chung sống đến tháng 9 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống về tình cảm lẫn kinh tế. Anh đang đi học nghề, chưa có thu nhập, không có tiền gửi cho chị T và con dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trầm trọng. Đầu tháng 10 năm 2015, chị T đưa con xuống ngoại ở cho đến nay. Thời gian đầu anh có xuống thăm con 3 lần, sau đó anh không xuống nữa. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 10 năm 2015 cho đến nay, hai bên không quan tâm đến nhau. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung như chị T trình bày là đúng. Hiện nay con đang ở với chị T tại xã N, huyện T. Anh thống nhất để chị T trực tiếp nuôi con nhưng anh không cấp dưỡng nuôi con, vì điều kiện hoàn cảnh hiện nay anh đang đi học nghề nên chưa có thu nhập. Khi nào có điều kiện về kinh tế anh sẽ cấp dưỡng nuôi con sau.

Về tài sản và nợ chung: anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\*Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên: Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật tại Điều 48 và Điều 49 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn với anh C. Về con giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh C cấp dưỡng nuôi con chung 800.000đ/1tháng. Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

1. Về tố tụng: Ngày 08/6/2017 Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ nhất chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Ngọc C đến phiên tòa xét xử, nhưng chị T và anh C vắng mặt, Hội đồng xét xử ra Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/QĐST-HNGĐ ngày 08/6/2017. Tại phiên tòa hôm nay, anh Hoàng Ngọc C đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh C theo khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

## 2. Về nội dung:

- Xác định quan hệ pháp luật: Hôn nhân giữa chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Ngọc C dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn số: 17 ngày 27/02/2015 tại UBND xã N, huyện T, Tỉnh Thanh Hóa là hôn nhân hợp pháp. Đánh giá về thực trạng quan hệ vợ chồng: Nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế gia đình khó khăn, trong cuộc sống vợ chồng không có quan điểm đồng nhất, lối sống vợ chồng không hòa hợp. Hơn nữa do chị có thai trước, mẹ chồng nghi ngờ đó không phải là con của anh C dẫn đến mâu thuẫn giữa chị và mẹ chồng. Khi xảy ra mâu thuẫn, hai bên không tìm được biện pháp để giải quyết, không tha thiết níu kéo tình cảm hạnh phúc gia đình. Mỗi người ở mỗi nơi, không hỗ trợ nhau trong cuộc sống. Khi chị về bên ngoại ở, anh C và gia đình bên nội không quan tâm đến chị và con. Vợ chồng sống ly thân cho đến nay đã gần hai năm, không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xin ly hôn, về phía anh C cũng đồng ý. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn anh C là phù hợp thực trạng mâu thuẫn vợ chồng.

Về con chung: xét thấy, con dưới 36 tháng tuổi, hai bên thống nhất giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp nên chấp nhận. Về mức cấp dưỡng nuôi con chị T yêu cầu 1.000.000đ/tháng, thời điểm tính từ tháng 6 năm 2017 cho đến khi con thành niên. Hội đồng xét xử xét thấy: Tuy anh C không chấp nhận cấp dưỡng, nhưng anh C là thanh niên sung sức, có khả năng lao động mang lại thu nhập và theo biên bản xác minh ngày 03/5/2017, tại UBND xã V thì mức thu nhập bình quân phổ thông của người dân trên địa bàn năm 2016 là 28.000.000đ/1 người dân (2.300.000/1người/1tháng)). Mức yêu cầu của chị T là phù hợp tình hình thực tế, nhu cầu của con. Vì vậy, buộc anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản và nợ chung: Chị T, anh C không yêu cầu nên không xét.

3. Về án phí: Chị T khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm, anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nên phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu: Chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Hoàng Ngọc C.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Hoàng Minh H, sinh ngày 21/9/2015 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.000.000đ, kể từ tháng 6 năm 2017 đến khi con thành niên và có khả năng lao động. Anh C có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn) chị T đã nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Thanh Hóa theo Biên lai thu số AA/2015/0006353 ngày 04/4/2017; chấp nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí. Anh C phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị T, vắng mặt anh C. Chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

*Nơi nhận*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan THADS huyện N;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ, vp.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Huệ**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Thu Nguyễn Thị Nhung**

**Nguyễn Thị Huệ**

***Nơi nhận:***

- Các đ- ong sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan THADS;
- UBND xã Ninh Hải;
- L- u: hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Huệ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NÔNG CỐNG  
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Nông Cống, ngày 15 tháng 3 năm 2017*

## **BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

**Về vụ án:** Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Đoan Trang, sinh năm 1990 (có mặt)

Trú tại: Tiểu khu Nam Tiến thị trấn Nông Cống huyện Nông Cống, Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Nguyễn Duy Bắc, sinh năm 1990 (có mặt)

Đơn vị công tác: Phân trại số 2 Trại giam Thanh Phong Tổng cục VIII Bộ công an- Địa chỉ: Thị trấn Nông Cống huyện Nông Cống tỉnh Thanh Hóa;

***Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Huệ

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Thiệu Khắc Yên  
Bà Lê Thị Dệt

Vào hồi giờ phút ngày 15/3/2017 tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành thảo luận,

### **NỘI DUNG**

+ Xác định quan hệ pháp luật: Chị Trang và anh Bắc lấy nhau có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn hai bên đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều Luật hôn nhân và gia đình

Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết:  $3/3 = 100\%$

+ Về con: Chị Trang và anh Bắc có 01 con chung là Nguyễn Thị Quỳnh Anh, sinh ngày 30/11/2013

Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết:  $3/3 = 100\%$



+ Về tài sản và công nợ chung: Đ- ơng sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết: 3/3 = 100%

+ Về án phí:

Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết: 3/3 = 100%

+ Quyền kháng cáo:

Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết: 3/3 = 100%

\* Áp dụng các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 1 Điều 24; Khoản 8, Khoản 10 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009; Mục 1 phần I danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Pháp lệnh.

Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết: 3/3 = 100%

Biên bản lập xong đã đọc lại, các thành viên trong Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây./.

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Dệt**

**Thiệu Khắc Yên**

**Nguyễn Thị Huệ**

